

Bản án số: 660/2022/DSST
Ngày: 10/3/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng thi
công trang trí nội thất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/3/2022, tại phòng xử án dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2020/TLST-DS ngày 02/10/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công trang trí nội thất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2022/QĐXXST-DS ngày 14/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 597/2022/QĐ-HPT ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Anh D, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Số X đường Y, phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn gồm: Bà Lê Thị H, bà Đỗ Thị H, ông Nghiêm Thanh T. Địa chỉ liên lạc: (Phòng X) Số A đường Y, phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (*bà H, bà H, ông T xin xét xử vắng mặt*)

Bị đơn: Công ty cổ phần T.

Trụ sở chính: số X đường Y Khu A, phường Z, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Trinh Thụy N – Tổng Giám đốc.
Nơi cư trú: số X đường Y, phường Z, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY

Công bố lý do đương sự vắng mặt:

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn gồm: Bà Lê Thị H, bà Đỗ Thị H, ông Nghiêm Thanh T có văn bản ngày 08/3/2022 đề nghị xét xử vắng mặt họ và được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là Công ty cổ phần T (Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Trinh Thụy N – Tổng Giám đốc) đã được Tòa án thông báo việc thu lý vụ án, thông báo tham gia các phiên hòa giải, và được thông báo các phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/6/2020, nguyên đơn ông Trần Anh D trình bày: Ngày 02/01/2019 ông Trần Anh D và Công ty cổ phần T (gọi tắt Công ty L) ký kết Hợp đồng cung cấp và thi công nội thất số 0201-2019/HĐTC/LECADE-CĐT (gọi tắt Hợp đồng số 0201), với nội dung công việc: Công ty L nhận thực hiện thi công, cung cấp và lắp đặt nội thất dự án R (chi tiết theo Phụ lục 1 của Hợp đồng). Giá trị hợp đồng: 3.968.479.716 đồng (đơn giá cố định, khối lượng tạm tính chưa kể phát sinh).

Quá trình thực hiện hợp đồng số 0201, ông Trần Anh D đã ứng thanh toán đợt 1 số tiền: 1.587.391.887 đồng. Do phía Công ty L thực hiện thi công dự án chậm tiến độ và không đạt chất lượng kỹ thuật theo yêu cầu của ông Trần Anh D nên các bên phát sinh tranh chấp. Sau đó hai bên thương lượng: giữa ông Trần Anh D và Công ty L đồng ý chấm dứt thực hiện Hợp đồng số 0201 và thống nhất quyết toán khối lượng công việc có giá trị hoàn thành là 1.030.225.085 đồng (theo Bảng quyết toán khối lượng lập ngày 01/10/2019).

Ngày 10/10/2019, ông Trần Anh D có văn bản gửi Công ty L đòi số tiền tạm ứng thanh toán còn dư là 557.166.802 đồng và số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 595.271.957 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả: 1.152.438.760 đồng.

Ngày 29/11/2019, Công ty L có công văn số 168/019/CV-Lecade gửi cho ông Trần Anh D, xác nhận trách nhiệm hoàn trả số tiền dư là 557.166.802 đồng cho ông Trần Anh D thành 02 đợt: Ngày 16/12/2019 trả số tiền 277.166.803 đồng và ngày 30/12/2019 trả số tiền 280.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty L có ý kiến không chấp nhận số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 595.271.957 đồng vì không hợp lý.

Ngày 02/12/2019, ông Trần Anh D gửi email cho Công ty L để xác nhận: đồng ý nội dung công văn số 168/019/CV-Lecade ngày 29/11/2019 và yêu cầu Công ty L thực hiện đúng theo ngày trả tiền của công văn cam kết này. Do Công ty L không thực hiện trả cho ông Trần Anh D tiền tạm ứng thanh toán còn dư là 557.166.803 đồng đúng theo văn bản số 168/019/CV-Lecade ngày 29/11/2019 nên ông Trần Anh D khởi kiện vụ việc đến Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020, ông Trần Anh D yêu cầu:

1/ Công ty L có trách nhiệm trả cho ông Trần Anh D tiền chênh lệch thanh toán là 557.166.802 đồng (1.587.391.887đ – 1.030.225.085đ);

2/ Phạt vi phạm tiền độ thực hiện Hợp đồng thi công (là 15% x 2.938.254.631 của phần trị giá hợp đồng vi phạm), thành số tiền 440.738.194 đồng;

3/ Lãi phát sinh do chậm trả nợ là 10%/năm trên số nợ phải trả 1.064.887.661 đồng (tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/6/2020) là 66.982.664 đồng;

Tổng cộng các khoản phải trả: 1.064.887.661 đồng.

Tại văn bản ngày 08/03/2022, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến: giữ nguyên các yêu cầu theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020.

Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác yêu cầu bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Kiểm tra việc giải quyết vụ án dân sự đã được thụ lý lại số 264/2020/TLST-DS ngày 02/10/2020, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án từ ngày 02/10/2020 đến ngày 14/01/2022, Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Phiên toà thủ tục tố tụng và xét xử công khai tuân thủ đúng luật định. Chủ tọa phiên toà đã công bố ý kiến, lời khai của đương sự tại phiên tòa.

Về các yêu cầu của đương sự: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ có tại hồ sơ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của luật.

XÉT THẤY

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được công bố, thẩm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện:

Vụ kiện tranh chấp Hợp đồng cung cấp và thi công nội thất số 0201-2019/HĐTC/LECADE-CĐT giữa các chủ thể có một bên đăng ký kinh doanh là tranh chấp dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Anh D và Công ty L đã đồng ý chấm dứt thực hiện Hợp đồng và thống nhất quyết toán khối lượng công việc có giá trị hoàn thành là 1.030.225.085 đồng, theo Bảng quyết toán khối lượng lập ngày 01/10/2019. Công ty L có văn bản xác nhận nợ và cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết (công văn số 168/019/CV-Lecade ngày 29/11/2019) và ông Trần Anh D đã đồng ý (email ngày 02/12/2019) theo nội dung văn bản cam

kết này. Như vậy, các bên không còn thực hiện nội dung thỏa thuận tại các điều khoản của Hợp đồng cung cấp và thi công nội thất số 0201-2019/HĐTC/LECADE-CĐT ngày 02/01/2019. Ông Trần Anh D tranh chấp đối với Công ty L về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản theo cam kết (trả số tiền chênh lệch thanh toán là 557.166.802 đồng đã xác nhận nợ) được quy định tại Điều 274, và khoản 1 Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty L, trụ sở hoạt động kinh doanh của công ty hiện đang tọa lạc tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 3, điều 26; khoản 1, điều 35; điểm a khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp được qui định tại khoản 2 điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Phạm vi giải quyết vụ án:* Bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng vụ án, không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi các yêu cầu của nguyên đơn.

Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ. Xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và các chứng cứ của nguyên đơn giao nộp, được công bố tại phiên tòa, là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 điều 6, điều 91, 92, 95, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

3.1/ Xét Hợp đồng cung cấp và thi công nội thất số 0201-2019/HĐTC/LECADE-CĐT ngày 02/01/2019 và các Phụ lục hợp đồng được ký bởi các chủ thể có hình thức nội dung hợp đồng phù hợp pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, giữa các bên đã bàn giao thiết bị vật tư, ngưng và chấm dứt thực hiện hợp đồng, ông Trần Trần Anh D và Công ty L thống nhất quyết toán khối lượng công việc có giá trị hoàn thành là 1.030.225.085 đồng, theo Bảng quyết toán khối lượng lập ngày 01/10/2019. Công ty L có văn bản xác nhận nợ và cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết (công văn số 168/019/CV-Lecade ngày 29/11/2019) và ông Trần Anh D đã đồng ý (email ngày 02/12/2019) theo nội dung văn bản cam kết này. Như vậy đôi bên thống nhất về thực hiện nghĩa vụ theo cam kết: Công ty L trả lại cho ông Trần Anh D số tiền ứng thanh toán đợt 1 còn dư sau khi trừ đi trị giá quyết toán khối lượng thi công hoàn thành là 557.166.802 đồng (1.587.391.887đ – 1.030.225.085đ), xét thấy số nợ này đã được các bên thừa nhận, phù hợp với chứng cứ tại hồ sơ vụ án nên xét thấy yêu cầu của ông Trần Anh D buộc Công ty L có trách nhiệm trả lại số tiền 557.166.802 đồng là có căn cứ chấp nhận.

3.2/ Ông Trần Anh D yêu cầu phạt vi phạm tiền độ thực hiện Hợp đồng (15% x 2.938.254.631 của phần trị giá hợp đồng vi phạm), thành số tiền 440.738.194 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Quá trình thực hiện hợp đồng, giữa các bên: ông Trần Anh D và Công ty L đã bàn giao thiết bị vật tư, ngưng và chấm dứt thực hiện hợp đồng, thống nhất quyết toán khối lượng công việc có giá trị hoàn thành là 1.030.225.085 đồng theo Bảng quyết toán khối lượng lập ngày 01/10/2019, các bên không có văn bản thừa nhận lỗi vi phạm hợp đồng hay văn bản thừa nhận trách nhiệm chịu phạt hợp đồng theo yêu cầu của ông Trần Anh D.

- Tại mục 2 của Công văn số 168/019/CV-Lecade ngày 29/11/2019 của Công ty L gửi cho ông Trần Anh D, đề nghị “*xem xét lại phần yêu cầu khoản bồi thường hợp đồng là không hợp lý*”, thì tại bản email các ngày 02/12/2019, ngày 16/12/2019, ngày 19/12/2019 (bút lục số 55, 56, 58) ông Trần Anh D trả lời và đã đồng ý theo nội dung Công văn số 168/019/CV-Lecade ngày 29/11/2019. Theo đó, ông Trần Anh D đồng ý không yêu cầu phạt vi phạm tiền độ thực hiện Hợp đồng (15% x 2.938.254.631 của phần trị giá hợp đồng vi phạm) nữa, mà chỉ yêu cầu trả số tiền 557.166.802 đồng cho ông Trần Anh D đúng theo lịch thanh toán như Công ty L cam kết văn bản ngày 29/11/2019.

Hội đồng xét xử, xét thấy việc ông Trần Anh D yêu cầu phạt vi phạm tiền độ thực hiện Hợp đồng (15% x 2.938.254.631 của phần trị giá hợp đồng vi phạm), thành số tiền 440.738.194 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

3.3/ Xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty L có trách nhiệm trả lãi phát sinh do chậm trả nợ là 10%/năm trên số nợ phải trả 1.064.887.661 đồng (tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/6/2020) là 66.982.664 đồng. Hội đồng xét xử, nhận thấy:

- Khoản phạt vi phạm tiền độ thực hiện Hợp đồng (15% x 2.938.254.631 của phần trị giá hợp đồng vi phạm), thành số tiền 440.738.194 đồng là số tiền (tài sản) đang tranh chấp, chưa được các bên xác nhận nợ và chưa được Tòa án chấp nhận nên không có căn cứ là khoản nợ gốc và phải chịu trả lãi do chậm thanh toán nợ. Xét thấy việc ông Trần Anh D tính lãi chậm trả nợ là 10%/năm đối với số tiền 440.738.194 đồng, tính lãi phát sinh từ ngày 10/10/2019 đến khi khởi kiện là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với số tiền ứng thanh toán đợt 1 còn dư sau khi quyết toán khối lượng thi công hoàn thành là 557.166.802 đồng (1.587.391.887đ – 1.030.225.085đ), xét thấy đây là số nợ đã được Công ty L thừa nhận tại văn bản lập ngày 29/11/2019, và cam kết đến hết ngày 30/12/2019 trả xong nợ nhưng Công ty L đã không thực hiện đúng theo cam kết là bên có lỗi. Xét thấy cần tính lãi chậm trả là 10%/năm trên số nợ phải trả 557.166.802 đồng, kể từ ngày 31/12/2019 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2022, cụ thể: $(557.166.802đ \times 10\% \times 800 \text{ ngày})/365 = 122.118.751 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty L có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Anh D số tiền 557.166.802 đồng (theo văn bản xác nhận nợ ngày 29/11/2019) và lãi chậm

trả 122.118.751 đồng. Tổng cộng: 679.285.553 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành và thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, đối với số tiền phạt vi phạm tiến độ thực hiện Hợp đồng ($15\% \times 2.938.254.631$ của phần trị giá hợp đồng vi phạm) là 440.738.194 đồng.

4/ Xét các ý kiến Kiểm sát viên:

Ghi nhận và rút kinh nghiệm ý kiến của Kiểm sát viên về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đồng thuận với kiến nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty L có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Anh D số tiền 557.166.802 đồng (theo văn bản xác nhận nợ ngày 29/11/2019) và lãi chậm trả 122.118.751 đồng. Tổng cộng: 679.285.553 đồng.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là Công ty L phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông Trần Anh D được Tòa án chấp nhận là khoản nợ phải trả 679.285.553 đồng.

Nguyên đơn là ông Trần Anh D phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 440.738.194 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; Điều 95, 96 và Điều 210; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, 228; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274, và Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9; Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty cổ phần T có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Anh D nợ gốc và lãi là số tiền 679.285.553đ (*Sáu trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm lăm mươi ba đồng*). Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực thi hành.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với

các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.171.422 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.629.528 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.973.315 đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0027955 ngày 02/10/2020. Trả lại cho ông Trần Anh D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm thừa là 343.787 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được công bố hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Chí Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TOA PHIÊN TÒA

